

Bản án số: **209/2023/HS-PT**
Ngày: 21/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Chí Công,**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Việt Cường,**

 ông **Trương Công Thi.**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng,** Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Nam Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 112/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo Lê Thị Ánh Đ và đồng phạm bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm về tội “*Tổ chức đánh bạc*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2022/HS-ST ngày 21/12/2022.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thị Ánh Đ, sinh năm 1995, tại Phú Yên; Nơi cư trú: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Y; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Nhật L, sinh năm 1995, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: ô B Lô A H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Đ1 và bà Hồ Thị T1; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Trần Thị Phước H, sinh ngày 03/8/2000, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Xóm M, Thôn T, H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn N và bà Quảng Thị

Phuong T2; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

4. Hồ Thị Mỹ L1, sinh ngày 03/3/2000, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: ô B Lô A H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Quang H1 và bà Nguyễn Thị L2; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

5. Nguyễn Thị Bích T3, sinh năm 1997, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Đỗ Thị Thu T4; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

6. Huỳnh Văn T5, sinh năm 1998, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn C và bà Lê Thị T6; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

7. Lê Thị Thanh T7, sinh năm 1999, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: ô B Lô A H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị T8; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

8. Trương Vân A, sinh ngày 15/02/2000, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Đ, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Bá P và bà Võ Thị Thúy V; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

9. Lê Mai Ánh T9, sinh năm 1996, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: tổ A N, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Đ2 và bà Mai Tuyết A1; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

10. Nguyễn Thị T10, sinh năm 1990, tại Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị C1; Có chồng là Nguyễn Văn H2, sinh năm 1986, có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

11. Nguyễn Hoài M, sinh ngày 24/7/2000, tại Quảng Ngãi; Nơi cư trú: D C, phường X, thành phố N, Khánh Hòa, chỗ ở hiện nay: ô 2 Lô 22, Ngô Văn S1, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn L3 (đã chết) và bà Võ Thị T11; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

12. Nguyễn Thị O, sinh năm 1994, tại Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Đường số A, Căn hộ I - Khu đô thị L, phường P, thành phố N, Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S2 và bà Nguyễn Thị M1; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

13. Võ Hoài L4, sinh năm 1994, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Chung cư C, Tổ F P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Võ Thị Mai K1 (không có cha); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2021 đến ngày 21/01/2022 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa:

Bào chữa cho các bị cáo Lê Thị Ánh Đ, Lê Nhật L, Trần Thị Phước H, Hồ Thị Mỹ L1, Lê Thị Thanh T7, Trương Vân A, Lê Mai Ánh T9, Nguyễn Hoài M: ông Lê Hồng Q, Công ty L5, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Địa chỉ: I N, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra trong bản án còn các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 23 giờ 15 phút ngày 10/8/2020, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Khánh Hòa phối hợp với các lực lượng tiến hành kiểm tra phát hiện quả tang tại khu vực tầng 02, Khách sạn R1, số D N, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, Le AiPing cùng các nhân viên người Trung Quốc và người Việt Nam gồm: Tang Kun, Li J, Cheng XingXing, Wang B1, Duan YaDong, Lê Thị Ánh Đ, Lê Nhật L, Trần Thị Phước H, Hồ Thị Mỹ L1, Nguyễn Thị Bích T3, Huỳnh Văn T5, Lê Thị Thanh T7, Trương Vân A, Lê Mai Ánh T9, Nguyễn Thị T10, Nguyễn Hoài M, Nguyễn Thị O, Võ Hoài L4 đang tổ chức đánh bạc trái phép cho nhiều người nước ngoài bằng hình thức trực tiếp, khách dùng tiền đổi chip, sau khi chơi dùng chip đổi lại thành tiền và tổ chức đánh bạc trái phép bằng hình thức trực tuyến cho người chơi thông qua mạng xã hội QQ được cài đặt trên điện thoại.

Thu giữ tiền đánh bạc của các người chơi đánh bạc dưới hình thức đánh bài Poker thắng thua trực tiếp tại phòng Vip2 gồm:

- L đã quy đổi số tiền 30.000 nhân dân tệ (tương đương 99.528.300 đồng) thành Chip để đánh bạc;

- Lyu H3 đã quy đổi số tiền 15.000 nhân dân tệ (tương đương số tiền 49.764.150 đồng) thành Chip để đánh bạc;

- Miao K2 đã quy đổi số tiền 5.000 nhân dân tệ thành Chip để đánh bạc, đã thắng được 20.375 nhân dân tệ (tương đương số tiền 67.596.303 đồng) thành Chip để đánh bạc;

- Xie H4 đã quy đổi số tiền 15.000 nhân dân tệ thành Chip để đánh bạc, đã thắng được 18.575 nhân dân tệ (tương đương số tiền 61.624.605 đồng);

- Gu R đã quy đổi số tiền 15.000 nhân dân tệ (tương đương số tiền 49.764.150 đồng) thành Chip để đánh bạc.

Thu giữ tại bàn ký hiệu B09, Z chơi đánh bạc dưới hình thức đánh bài Baccarat thắng thua bằng tiền, Zhang D đã quy đổi số tiền 5.000 Nhân dân tệ (tương đương 16.588.050 đồng) thành Chip để đánh bạc.

Thu giữ tại bàn ký hiệu B17, Y chơi đánh bạc dưới hình thức đánh bài Baccarat thắng thua bằng tiền, Yan C2 đã đổi 300.000 Nhân dân tệ (tương đương số tiền 995.283.000 đồng) thành Chip để đánh bạc.

Thu giữ tại quầy thu ngân, tại phòng quản lý kế toán, tại phòng game điện tử tại tầng 2 khách sạn, số tiền VNĐ và ngoại tệ sau quy đổi thành tiền VNĐ, tổng cộng 921.626.808 đồng (trong đó: 27.681 Nhân dân tệ, tương đương 91.834.762 đồng; 29.684 USD tương đương 688.935.956 đồng; 20.500 Ringgit Malaysia, tương đương số tiền 112.220.690 đồng; 10.000 Riel Campuchia, tương đương số tiền 57.400 đồng và 28.578.000 đồng).

Quá trình giải quyết vụ án xác định:

Ngày 01/7/2019, Le A2 ký hợp đồng cho thuê Khách sạn R1 với Công ty Cổ phần Đ3 để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, với thỏa thuận thời hạn thuê được tính từ khi bên cho thuê được Cơ quan Nhà nước cấp giấy phép hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử. Tuy nhiên, ngay sau đó, Le A2 và đồng phạm đã sử dụng địa điểm thuê để tổ chức đánh bạc trái phép. Từ tháng 01/2020 đến ngày 10/8/2020, tiền khách đánh thua (tức sòng bạc thu lợi bất chính) gồm tiền nhân dân tệ và USD, được quy đổi thành tiền VNĐ là 258.380.208.754 đồng.

Đối với bị cáo Lê Thị Ánh Đ được thuê làm quản lý chung hoạt động của các nhân viên phục vụ trong sòng bạc là người Việt Nam; phụ trách theo dõi, lên lịch ca cho nhân viên và phát tiền lương hàng tháng; làm nhân viên chia bài, nhân viên giám bàn, nhân viên đánh bài trực tuyến hộ cho khách, phục vụ nước, phân ca và phát tiền lương, bảo vệ. Lê Thị Ánh Đ làm việc từ cuối tháng 11/2019 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 25.000.000 đồng.

Đối với các bị cáo là nhân viên phục vụ tổ chức đánh bạc gồm: Lê Nhật L, Trần Thị Phước H, Hồ Thị Mỹ L1, Nguyễn Thị Bích T3, Huỳnh Văn T5, Lê Thị Thanh T7, Trương Văn A, Lê Mai Ánh T9, Nguyễn Thị T10, Nguyễn Hoài M, Nguyễn Thị O, Võ Hoài L4 được thuê làm nhân viên phục vụ tại bàn đánh bạc, có nhiệm vụ chia bài, đánh bài hộ, giám sát bàn, đổi tiền, thu tiền xâu, trong đó:

- Lê Nhật L làm việc từ cuối năm 2019 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 25.000.000 đồng;

- Trần Thị Phước H làm việc từ tháng 08/2019 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 25.000.000 đồng;

- Huỳnh Văn T5 làm việc tại sòng bạc 08 tháng cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 20.000.000 đồng;

- Lê Thị Thanh T7 làm việc từ đầu năm 2020 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 20.000.000 đồng;

- Nguyễn Thị T10 làm việc từ cuối tháng 4/2020 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 15.000.000 đồng;

- Hồ Thị Mỹ L1 làm việc từ giữa tháng 04/2020 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 10.000.000 đồng;

- Lê Mai Ánh T9 làm việc từ đầu năm 2020 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 8.000.000 đồng;

- Nguyễn Thị Bích T3 làm việc từ giữa cuối tháng 06/2020 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng;

- Trương Văn A làm việc từ tháng 04/2020 cho đến tháng 08/2020, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng;

- Nguyễn Hoài M làm việc tại sòng bài được 03 tháng cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng;

- Nguyễn Thị O làm việc tại sòng bài được 02 tháng cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng;

- Võ Hoài L4 làm việc từ tháng 4/2020 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2022/HS-ST ngày 21/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Ánh Đ, Lê Nhật L, Trần Thị Phước H, Hồ Thị Mỹ L1, Nguyễn Thị Bích T3, Huỳnh Văn T5, Lê Thị Thanh T7, Trương Vân A, Lê Mai Ánh T9, Nguyễn Thị T10, Nguyễn Hoài M, Nguyễn Thị O, Võ Hoài L4 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 322; các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Thị Ánh Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 322; các điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt:

- Nguyễn Hoài M 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;
- Nguyễn Thị O 02 (hai) năm tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 322; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt:

- Lê Nhật L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Trần Thị Phước H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Hồ Thị Mỹ Luy 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Nguyễn Thị Bích T3 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Huỳnh Văn T5 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Lê Thị Thanh T7 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Trương Vân Anh 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Lê Mai Ánh Thiên 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Nguyễn Thị Thảo 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

- Võ Hoài Lý 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 04/11/2021 đến ngày 21/01/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác trong vụ án, phân biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo.

Trong các ngày 24, 26, 27, 28 và 30/12/2022, các bị cáo Lê Thị Ánh Đ, Lê Nhật L, Trần Thị Phước H, Hồ Thị Mỹ L1, Nguyễn Thị Bích T3, Lê Thị Thanh T7, Trương Vân A, Lê Mai Ánh T9, Nguyễn Thị T10, Nguyễn Hoài M, Võ Hoài L4, Huỳnh Văn T5 và Nguyễn Thị O có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều tiếp tục đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, giảm hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo – Luật sư Lê Hồng Q đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét vai trò không đáng kể, áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giảm hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong các ngày 24, 26, 27, 28 và 30/12/2022, các bị cáo có đơn kháng cáo gửi Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà. Vào các ngày 27, 28/12/2022 và ngày 03/01/2023, Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà nhận được đơn kháng cáo của các bị cáo. Theo quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với bị cáo Lê Nhật L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo nhưng vắng mặt không có lí do. Xét thấy ngoài đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị theo hướng bất lợi và việc vắng mặt của bị cáo không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh và điều khoản luật áp dụng:

Trong khoảng thời gian từ nửa cuối năm 2019 đến ngày 10/8/2020 (ngày bị phát hiện quả tang), Le A2 đã thuê Khách sạn Regalia Gold của Công ty Cổ phần Đ3 để tổ chức đánh bạc trái phép cho các đối tượng người nước ngoài bằng

hình thức trực tiếp và thông qua phương tiện điện tử (thông qua mạng QQ trên điện thoại) với số tiền đặc biệt lớn (chỉ tính từ tháng 01/2020 đến ngày 10/8/2020, tiền khách đánh thua được quy đổi thành tiền VNĐ là 258.380.208.754 đồng). Để tổ chức sòng bạc, Le A2 đã thuê các đối tượng người nước ngoài và người Việt Nam làm quản lý, phục vụ sòng bạc, trong đó có Lê Thị Ánh Đ, Lê Nhật L, Trần Thị Phước H, Hồ Thị Mỹ L1, Nguyễn Thị Bích T3, Huỳnh Văn T5, Lê Thị Thanh T7, Trương Vân A, Lê Mai Ánh T9, Nguyễn Thị T10, Nguyễn Hoài M, Nguyễn Thị O và Võ Hoài L4. Hành vi của Le A2 và các đồng phạm đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự địa phương. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong vụ án này, Lê Thị Ánh Đ được Le A2 thuê làm quản lý chung hoạt động của các nhân viên phục vụ trong sòng bạc là người Việt Nam; phụ trách theo dõi, lên lịch ca cho nhân viên và phát tiền lương hàng tháng; làm nhân viên chia bài, nhân viên giám bàn, nhân viên đánh bài trực tuyến hộ cho khách, phục vụ nước, phân ca và phát tiền lương, bảo vệ. Thời gian Đ làm thuê cho sòng bạc là 10 tháng, thu lợi bất chính số tiền 25.000.000 đồng. Do đó, Đ phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo khác trong nhóm.

Đối với các bị cáo Lê Nhật L, Trần Thị Phước H, Hồ Thị Mỹ L1, Nguyễn Thị Bích T3, Huỳnh Văn T5, Lê Thị Thanh T7, Trương Vân A, Lê Mai Ánh T9, Nguyễn Thị T10, Nguyễn Hoài M, Nguyễn Thị O, Võ Hoài L4 đều được thuê làm nhân viên phục vụ tại bàn đánh bạc, có nhiệm vụ chia bài, đánh bài hộ khách, giám sát bàn, đổi tiền, thu tiền xâu..., có vai trò thấp hơn Đ, trong đó:

- Lê Nhật L làm việc từ cuối năm 2019 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 25.000.000 đồng;

- Trần Thị Phước H làm việc từ tháng 08/2019 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 25.000.000 đồng;

- Huỳnh Văn T5 làm việc tại sòng bạc 08 tháng cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 20.000.000 đồng;

- Lê Thị Thanh T7 làm việc từ đầu năm 2020 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 20.000.000 đồng;

- Nguyễn Thị T10 làm việc từ cuối tháng 4/2020 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 15.000.000 đồng;

- Hồ Thị Mỹ L1 làm việc từ giữa tháng 04/2020 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 10.000.000 đồng;

- Lê Mai Ánh T9 làm việc từ đầu năm 2020 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 8.000.000 đồng;

- Nguyễn Thị Bích T3 làm việc từ giữa cuối tháng 06/2020 cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng;

- Trương Vân A làm việc từ tháng 04/2020 cho đến tháng 08/2020, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng;

- Nguyễn Hoài M làm việc tại sòng bài được 03 tháng cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng;

- Nguyễn Thị O làm việc tại sòng bài được 02 tháng cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang, bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc của bị cáo không liên tục, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng.

- Võ Hoài L4 làm việc tại sòng bạc từ tháng 4/2020 cho đến khi bị bắt quả tang. Bị cáo làm việc theo ca, thời gian làm việc không liên tục; số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng. Sau khi phạm tội L4 đã bỏ trốn (bị bắt theo lệnh truy nã), gây khó khăn cho việc điều tra vụ án. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án cao hơn các bị cáo khác trong nhóm này.

[2.3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Xét thấy các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự nên Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Các bị cáo Lê Thị Ánh Đ, Nguyễn Hoài M, Nguyễn Thị O trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là phụ nữ có thai. Do đó, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Nhật L, Trần Thị Phước H, Hồ Thị Mỹ L1, Nguyễn Thị Bích T3, Huỳnh Văn T5, Lê Thị Thanh T7, Trương Vân A, Lê Mai Ánh T9, Nguyễn Thị T10, Nguyễn Hoài M, Nguyễn Thị O, Võ Hoài L4 phạm tội lần đầu, tuy phạm tội nghiêm trọng nhưng người phạm tội có vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án có đồng phạm nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo Trần Thị Phước H có giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; bị cáo Lê Thị Ánh Đ có bà nội là bà Trần Thị S3 được tặng Kỷ niệm chương Chiến sỹ Cách mạng bị địch bắt tù đày. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo là phù hợp.

Do các bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên được Toà án cấp sơ thẩm áp dụng điều 54 của Bộ luật Hình sự và chỉ xử phạt các bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù không phải là quá nặng. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm ngày hôm nay, các bị cáo Trương Vân A, Nguyễn Thị Bích T3 và Võ Hoài L4 xuất trình chứng cứ chứng minh là phụ nữ có thai thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo khác trong vụ án cung cấp thêm chứng cứ thể hiện đã nộp hết tiền thu lợi bất chính, hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều rất khó khăn, là lao động chính, phải trực tiếp làm việc để nuôi sống gia đình; gia đình có công với Nước... đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Bên cạnh đó, xét điều kiện, hoàn cảnh phạm tội thấy các bị cáo đều là người lao động nghèo, không có việc làm, trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 hoành hành đời sống gia đình các bị cáo vô cùng khó khăn vì không có thu nhập; nhận thức pháp luật của các bị cáo có phần hạn chế, nên khi nhận được thông báo tuyển dụng, cho rằng sòng bạc hoạt động hợp pháp, lại thấy có việc làm kiếm tiền (trong điều kiện xã hội đang giãn cách do dịch bệnh) nên các bị cáo đã tham gia; các bị cáo đều có nhân thân tốt. Từ đó xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo, giảm hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính nhân văn của pháp luật.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Ánh Đ, Võ Hoài L4, Lê Nhật L, Trần Thị Phước H, Hồ Thị Mỹ L1, Huỳnh Văn T5, Lê Thị Thanh T7, Trương Vân A, Lê Mai Ánh T9, Nguyễn Thị T10, Nguyễn Hoài M, Nguyễn Thị O và Nguyễn Thị Bích T3, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Ánh Đ, Lê Nhật L, Trần Thị Phước H, Hồ Thị Mỹ L1, Nguyễn Thị Bích T3, Huỳnh Văn T5, Lê Thị Thanh T7, Trương Vân A, Lê Mai Ánh T9, Nguyễn Thị T10, Nguyễn Hoài M, Nguyễn Thị O, Võ Hoài L4 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 322; các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Thị Ánh Đ 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 322, các điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt:

- Võ Hoài Lý 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 04/11/2021 đến ngày 21/01/2022;

- Nguyễn Hoài M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Nguyễn Thị O 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Trương Vân A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Nguyễn Thị Bích T3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 322, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt:

- Lê Nhật L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Trần Thị Phước H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Hồ Thị Mỹ Luy 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

- Huỳnh Văn T5 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Lê Thị Thanh T7 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Lê Mai Ánh Thiên 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Nguyễn Thị T10 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, không buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV CA tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Công